

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H, TP. ĐÀ NẴNG**

Số:30/2018/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Châu, ngày 30 tháng 1 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 1 năm 2018 giữa :

* Người yêu cầu:

- Ông **Phạm Văn D** - Sinh năm 1980 - Trú tại : H209 K75/7 T. L, tổ 24, phường Hòa C , quận Hải C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Lê Nguyễn T. U** - Sinh năm 1982 - Trú tại : H209 K75/7 T. L, tổ 24, phường Hòa C, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ điều 212, 213 và khoản 4 điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/1/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 1 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Nguyễn T. U và ông Phạm Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Nguyễn T. U và ông Phạm Văn D thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Bà Lê Nguyễn T. U và ông Phạm Văn D thống nhất xác định ông bà có 01 con chung : Phạm A. D - Sinh ngày 21.6.2009.

Ly hôn, bà U và ông D thống nhất thỏa thuận : Bà Lê Nguyễn T. U trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm An D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Ông Phạm Văn D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 1 năm 2018.

Kể từ ngày bà Lê Nguyễn T. U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Vì lợi ích con chung các bên đều có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* **Về tài sản chung** : Bà Lê Nguyễn T. U và ông Phạm Văn D thống nhất xác định ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

* **Về nợ chung**: Bà Lê Nguyễn T. U và ông Phạm Văn D thống nhất xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

* Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Nguyễn T. U và ông Phạm Văn D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ bà U và ông D đã nộp tại biên lai thu số 1195 ngày 02.1.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự.
- VKSND Quận H.
- UBND X.H. K
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt

